

Bản án số: 42/2025/HS-PT
Ngày 20 tháng 3 năm 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thám và bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Hà Phương My - Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà
Phạm Huỳnh Ngọc Thi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 21/2025/TLPT- HS ngày 21 tháng 01 năm 2025 đối với vụ án Trần Văn T, do có kháng cáo của bị cáo Trần Văn T, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 98/2024/HS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bị cáo có kháng cáo: **Trần Văn T**, sinh năm: 1990 tại huyện A, tỉnh An Giang; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã N, huyện A, An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Hòa hảo; Trình độ văn hóa: 09/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Cha: Trần Văn S (đã chết); Mẹ: Mai Thị N (đã chết). Anh, em ruột có 06 người, bị cáo là người nhỏ nhất; vợ tên: Mai Thị H, sinh năm 1987; con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2010/HSST, ngày 14/01/2010 của Tòa án nhân dân huyện An Phú và bản án hình sự phúc thẩm số 31/2010/HSPT, ngày 29/4/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xử phạt 01 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 11 tháng. Đã chấp hành xong thử thách của án treo, nhưng chưa chấp hành xong phần tiền án phí của Bản án.

Tiền sự: Chưa.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo Trần Văn T: Luật sư: Phan Văn B, sinh năm 1970; Văn phòng L1 – Đoàn Luật sư tỉnh A; địa chỉ: A, Quốc lộ I, khóm Mỹ P, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Trong vụ án còn có bị cáo Võ Thị Thúy L, bị cáo Võ Thị O và những người tham gia tố tụng khác nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 15 phút ngày 27/3/2024, Công an xã Q phối hợp cùng Tổ công tác phòng, chống tội phạm Công an huyện A kiểm tra, phá hiện và bắt quả tang các đối tượng Bùi Văn P; Dương Văn S1; Nguyễn Thị Ngọc H1; Huỳnh Văn S2; Trần Thị D, Trần Thị P1; Võ Thị Thúy L và Võ Thị T1 đang thực hiện hành vi đánh bạc (đánh bài tứ sắc) được, thua bằng tiền với số tiền thu trên các chiếu bạc 4.140.000 đồng và thu trên người các đối tượng số tiền 3.702.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Ngoài thực hiện hành vi đánh bài tứ sắc, Võ Thị T1 và Võ Thị Thúy L còn thực hiện hành vi bán số lô, số đề được, thua bằng tiền với người chơi.

Đối với Võ Thị Thúy L: Từ ngày 23/3/2024 đến ngày 26/3/2024 L thực hiện hành vi bán số lô, số đề cho Trần Văn T; Đỗ Thị N1; Phạm Thị Bích N2 và đối tượng tên Ú (chưa rõ nhân thân, lai lịch). Số lô, số đề bán được, L gửi qua tài khoản zalo tên đăng nhập “Nhỏ” cho Võ Thị O để tính tiền và hưởng hoa hồng (tiền cò) từ O, một phần Loan giữ lại trực tiếp tính với người mua số. Cụ thể như sau:

Ngày 23/3/2024:

- L bán cho T số lô, số đề đài Long An và đài miền B với tổng số tiền bán số và trúng số 12.598.000 đồng, trong đó tiền bán số 3.758.000 đồng, tiền trúng số 8.840.000 đồng. L trả cho T 183.000 đồng tiền hoa hồng (tiền cò).

- Loan bán số lô, số đề cho Ú đài Long An và đài miền B với tổng số tiền bán số và trúng số 4.798.000 đồng, trong đó tiền bán số 1.778.000 đồng, tiền trúng số 3.030.000 đồng

Ngày 24/3/2024:

- L bán số lô, số đề cho T đài Kiên Giang và đài miền B với tổng số tiền bán số và trúng số 8.369.500 đồng, trong đó tiền bán số 3.869.500 đồng, tiền trúng số 4.500.000 đồng. L trả cho T 180.500 đồng tiền hoa hồng (tiền cò).

- Loan bán số lô, số đề cho Ú đài Kiên Giang với tổng số tiền bán số 216.000 đồng.

- Loan bán số lô, số đề cho N2 đài Kiên Giang, đài T và đài Đ với tổng số tiền bán số 125.000 đồng

Ngày 25/3/2024:

- L bán số lô, số đề cho T đài Đồng Tháp và đài Miền B1 với tổng số tiền bán số và trúng số 7.155.000 đồng, trong đó tiền bán số 3.505.000 đồng, tiền trúng số 3.650.000 đồng. L trả cho T 214.000 đồng tiền hoa hồng (tiền cò).

- Loan bán số lô, số đề cho Ú đài Đồng Tháp với tổng số tiền bán số 144.000 đồng

- L bán số lô, số đề cho N2 đài thành phố Hồ Chí Minh, đài Đ và đài C với tổng số tiền bán số 125.000 đồng

Ngày 26/3/2024:

- L bán số lô, số đề cho T đài Đồng Tháp và đài miền B với tổng số tiền bán số và trúng số 5.985.000 đồng, trong đó tiền bán số 3.875.000 đồng, tiền trúng số 2.110.000 đồng. L trả cho T 208.000 đồng tiền hoa hồng (tiền cò).

- Loan bán số lô, số đề cho Ú đài Bạc Liêu với tổng số tiền bán số 264.000 đồng.

Đối với hành vi của bị cáo O, O bán số cho L ngày 26/3/2024 với tổng số tiền 11.775.000 đồng. Sau khi lấy tiền mua số của L 7.775.000 đồng trừ tiền L trúng số 4.000.000 đồng và trừ tiền hoa hồng O trả cho L là 665.000 đồng thì O lời 3.110.000 đồng.

Tại kết luận giám định số: 686/KL-KTHS ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Phòng K Công an tỉnh A, kết luận: “Tìm thấy dữ liệu lưu trữ trong 05 điện thoại di động (ký hiệu: A2, A3, A4, A5 và A6) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A, tỉnh An Giang gửi giám định, chi tiết thể hiện trong 03 đĩa DVD dữ liệu trích xuất”

Ngày 31/7/2024, Võ Thị O, Võ Thị Thúy L, Trần Văn T bị khởi tố để điều tra xử lý.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại OPPO Reno 7, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 5, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màn hình bị bể, không mở nguồn, đã qua sử dụng, đã niêm phong; Tiền Việt Nam 10.000.000 đồng do Võ Thị Thúy L giao nộp; tiền Việt Nam 5.000.000 đồng do Trần Văn T giao nộp, tiền Việt Nam 4.000.000 đồng do Võ Thị O giao nộp.

Tại Bản Cáo trạng số 76/CT-VKSAP-HS ngày 19/10/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú đã truy tố các bị cáo Võ Thị O, Võ Thị Thúy L, Trần Văn T về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 98/2024/HS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Võ Thị Thúy L, Trần Văn T, Võ Thị O cùng phạm tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị O 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) về tội “*Đánh bạc*”. Thời hạn chấp hành án của bị cáo được tính kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 35, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị Thúy L 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng) về tội “*Đánh bạc*”. Thời hạn chấp hành án của bị cáo được tính kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm tù về tội “*Đánh bạc*”. Thời hạn chấp hành án của bị cáo được tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra bản án còn tịch sung vào Ngân sách nhà nước số tiền của các bị cáo nhận của người chơi, xử lý vật chứng, tính án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/12/2024, bị cáo Trần Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo không chịu mức tù giam.

Các bị cáo Võ Thị O, Võ Thị Thúy L không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Văn T thừa nhận hành vi phạm tội như cấp sơ thẩm đã truy tố và xét xử, bị cáo xin được xử phạt tiền để bị cáo về chăm lo cho gia đình đồng thời trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, phát biểu và có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo có nội dung rõ ràng, trong hạn luật định nên có đủ cơ sở xét xử theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo Trần Văn T, sửa bản án sơ thẩm, xử phạt tiền bị cáo Trần Văn T từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Người bào chữa cho bị cáo T: Thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh mà cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Văn T về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự và thống nhất đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị xử phạt tiền bị cáo T từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự cho bị cáo T là chưa phù hợp, bị cáo

chưa được xóa án tích vì chưa đóng tiền án phí. Lẽ ra sau khi bản án có hiệu lực Cơ quan Thi hành án dân sự phải ra quyết định Thi hành án chủ động và thông báo cho bị cáo về khoản tiền án phí phải nộp, nhưng bị cáo không nhận được thông báo của Cơ quan Thi hành án dân sự, hơn nữa hành vi của bị cáo trong vụ án này giống bị cáo O, không phải như bị cáo L. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo T.

Bị cáo nhất trí bản luận cứ bào chữa, không có ý kiến bổ sung gì khác. Xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được xử phạt tiền để bị cáo về chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Văn T làm trong hạn luật định, đơn hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Quá trình xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo Võ Thị O, Võ Thị Thúy L trong vụ án, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Các bị cáo Võ Thị O, Võ Thị Thúy L, Trần Văn T đã có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức mua bán số lô, số đề, cụ thể:

- Ngày 26/3/2024 Võ Thị O đánh bạc với số tiền 11.775.000 đồng.
- Ngày 23/3/2024 Võ Thị Thúy L đánh bạc với số tiền 17.396.000 đồng.
- Ngày 24/3/2024 Võ Thị Thúy L đánh bạc với số tiền 8.710.500 đồng.
- Ngày 25/3/2024 Võ Thị Thúy L đánh bạc với số tiền 7.424.000 đồng.
- Ngày 26/3/2024 Võ Thị Thúy L đánh bạc với số tiền 18.024.000 đồng.
- Ngày 23/3/2024 Trần Văn T đánh bạc với số tiền 12.598.000 đồng.
- Ngày 24/3/2024 Trần Văn T đánh bạc với số tiền 8.369.500 đồng.
- Ngày 25/3/2024 Trần Văn T đánh bạc với số tiền 7.155.000 đồng.
- Ngày 26/3/2024 Trần Văn T đánh bạc với số tiền 5.985.000 đồng

Với hành vi nêu trên, Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên xử các bị cáo Võ Thị O, Võ Thị Thúy L, Trần Văn T, về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Bị cáo Trần Văn T có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo hoàn toàn nhận thức rõ hành vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật, đã xâm phạm đến an ninh trật tự và nếp sống văn minh của đời sống xã hội. Bị cáo phải biết đánh bạc là một tệ nạn bị xã hội lên án, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, việc đánh bạc trái pháp luật bị Nhà nước nghiêm cấm.

[4.2] Xét tính chất của vụ án, hành vi được thực hiện với lỗi cố ý, hơn nữa trên địa bàn tỉnh An Giang hiện nay các tội phạm có liên quan đến đánh bạc, tổ chức đánh bạc đang có chiều hướng gia tăng, đây là một trong những nguyên nhân làm mất ổn định tình hình an ninh chính trị tại địa phương và phát sinh các tội phạm khác trong xã hội. Mặt khác, trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án kết án về hành vi phạm tội chưa được xóa án tích, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội để xử phạt bị cáo 01 năm tù (trên khởi điểm của khung hình phạt quy định) là tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo trình bày hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình nuôi 02 con nhỏ đang học, bị cáo bị bệnh động kinh (đơn cứu xét có xác nhận của chính quyền địa phương và sổ khám bệnh, đơn thuốc ngày 5/3/2025 chuẩn đoán động kinh, rối loạn giấc ngủ của Bệnh viện đa khoa tỉnh An Giang); bị cáo đang phải nuôi người chị ruột tên Trần Thị T2 (đơn xác nhận của chính quyền địa phương và sổ lĩnh tiền trợ cấp xã hội hàng tháng người nhận tiền tên Bùi Văn A); bị cáo đã nộp xong tiền án phí của bản án hình sự sơ thẩm số 13/2010/HSST, ngày 14/01/2010 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, theo biên lai thu tiền số 0004285, ngày 17/2/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú. Xét thấy, các chứng cứ mà bị cáo trình bày tại cấp phúc thẩm không phải là tình tiết mới để làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên yêu cầu kháng cáo của bị cáo T, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên và có 01 tiền án chưa xóa án tích, đây là các tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Do vậy, việc đề nghị xử phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng của Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa là chưa đủ tính răn đe và phòng ngừa chung, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, không chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Văn T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 98/2024/HS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2025 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành án của bị cáo được tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao Tp Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân huyện An Phú;
- Công an huyện An Phú;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh An Giang;
- Bị cáo có kháng cáo và không có kháng cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Toà Hình sự; HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Nữ Ngọc Lan

